Xuân Lại Về

Sao Linh, K30

Xuân lại về đây với gió Đông
Nắng Xuân phơn phớt má em hồng
Ngoài sân hoa cúc hoa mai nở
Tô thắm vườn Xuân bướm lượn vòng

Xuân ở nơi nầy nhớ Xuân xưa
Đêm ba mươi Tết cúng giao thừa
Trên bàn thờ Tổ mâm ngũ quả
Cành mai vàng rực buổi ban trưa

Xuân lại về đây nơi xứ xa
Bồi hồi thương nhớ bóng mẹ già
Mỗi năm giúp mẹ lau chùi dọn
Bàn thờ năm mới cúng ông bà

Xuân ở nơi đây cũng tưng bừng
Cũng phong bì đỏ cũng bánh chưng
Hoa mai cúc huệ lan tươi thắm
Nhạc khúc Xuân vang tiếng chúc mừng

Tuy vậy sao lòng vẫn xót xa
Bao năm chưa nguôi nỗi nhớ nhà
Tôi người viễn xứ mùa Xuân ấy
Thầm ước ngày về ôi thiết tha.

THỜI GIAN

Minh-Nguyệt, K17/1
(Nam Sinh Tín)

Thấm thoát đã gần nửa thế kỷ sống nơi đất khách quê người. Thời gian trôi mau, biết bao nhiêu biến đổi trong cuộc đời của mỗi người và mỗi gia đình. Cuối tháng này sẽ là ngày lễ Tạ Ơn (Thanksgiving).

Theo tài liệu sưu tầm, Thanksgiving là một ngày lễ hàng năm được tổ chức ở hải ngoại, chủ yếu tại Hoa Kỳ, Canada, một số đảo ở Caribe và Liberia. Ý nghĩa lúc đầu của ngày lễ là mừng thu hoạch được mùa và tạ ơn Thiên Chúa đã cho sống no đủ và an lành. Đây cũng là ngày nghỉ lễ chính thức, cho tất cả những người lao động theo luật định tại Hoa Kỳ và Canada. Tại Hoa Kỳ, lễ Tạ Ơn được tổ chức vào ngày thứ Năm, *lần thứ tư* của tháng 11, vì thế ngày này có thể không phải là ngày thứ Năm cuối cùng của tháng 11 như nhiều người lầm tưởng. (Thí dụ có năm, tháng 11 có đến 5 ngày thứ Năm.) Tại Canada, nơi có vụ mùa thu hoạch sớm hơn, ngày lễ này được tổ chức vào ngày thứ Hai, *lần thứ hai* của tháng 10.

Nhân dịp lễ Tạ Ơn năm nay, tôi đi thăm Hằng, một người bạn học cùng trường mà tôi vừa tình cờ tìm ra sau bốn mươi năm chưa hề gặp lại. Trong lúc phi cơ đang bay đến tiểu bang

mà Hằng cư ngụ, tôi lấy giấy bút ra để sáng tác thơ cho quên đi thời gian ngồi mong đợi. Khi tới phi trường, Hằng đón tôi và đưa tôi thẳng về nhà, vì tôi đã hẹn sẽ ở tại nhà Hằng một tuần lễ. Tuy đã xa cách nhau bao nhiêu năm trời, tôi nhận thấy Hằng không thay đổi nhiều, vẫn trẻ trung vui tính như thuở nào. Tôi nhớ thuở còn đi học, Hằng vẫn thường nói đùa là chúng tôi có tên Hằng và Nga nên tình bạn đẹp như Hằng Nga, luôn khắng khít và tâm đầu ý hợp.

Trong thời gian tá túc ở nhà Hằng, tôi đã có những buổi đi chơi ăn uống đầy thú vị, và đã chụp được rất nhiều hình kỷ niệm. Vào ngày họp mặt lễ Tạ Ơn, tôi cũng có dịp gặp gia đình của Hằng, và họ đã tiếp đãi tôi rất nồng nhiệt và chu đáo. Hằng có sở thích làm thơ giống tôi, nên trong lúc hàn huyên tâm sự vào một buổi tối, tôi đã đọc cho Hằng nghe bài thơ Thời Gian mà tôi đã viết lúc ngồi trong phi cơ.

THỜI GIAN

Thời gian là cả bầu trời
Đan bao kỷ niệm một thời yêu đương
Để rồi ta lại vấn vương
Mộng mơ nhung nhớ sầu thương đợi chờ

Thời gian có nắng có mưa
Mây giăng gió bấc sương mờ tuyết sa
Thời gian có gần có xa
Có nhanh có chậm đậm đà nhạt phai

Thời gian có ngắn có dài
Có thương muôn thuở yêu hoài ngàn năm
Thời gian đẹp tựa trăng rằm
Thời gian không tuổi xoay vần tháng năm

Hằng nghe xong liền hỏi tôi như sau:

- Bạn có biết từ ngữ Thời Gian có ý nghĩa gì nữa không?

Tôi bỗng băn khoăn đến câu hỏi của Hằng. Thực ra tôi làm bài thơ Thời Gian là do cảm hứng mà thôi. Tôi chưa bao giờ

nghĩ đến định nghĩa của từ ngữ Thời Gian. Ngay lúc đó, Hằng và tôi đã có một cuộc nói chuyện trao đổi tư tưởng khá lâu về từ Thời Gian và Đời Người như sau:

Định nghĩa về Thời Gian rất khó nếu phải đi đến chính xác. Thời Gian được hiểu theo nhiều cách. Thời Gian là trình tự xảy ra của các sự kiện, biến cố và khoảng kéo dài của chúng. Thời Gian có thể ngắn trong vài phút hoặc có thể dài đến ngàn năm. Thường thì ai cũng dùng từ Thời Gian trong lúc nói chuyện hoặc viết văn, như: Thời gian trôi (chỉ định những ngày tháng dần trôi); Thời gian quý giá (chỉ định sự vui vẻ hạnh phúc); Phí thời gian (chỉ định làm những việc vô ích lợi).

Các nhà triết học đúc kết rằng thế giới vận động không ngừng. Thời Gian là thuộc tính của vận động và phải được gắn với vật chất, vật thể. Giả sử rằng nếu mọi vật trong vũ trụ đứng im, khái niệm Thời Gian trở nên vô nghĩa. Chuyển động của con lắc (giây), việc tự quay của trái đất, biến đổi của mặt trời trên bầu trời (ngày), hay thay đổi hình dạng của mặt trăng (tháng Âm lịch), đôi khi được xác định bằng quãng đường mà một vật nào đó đi được, biến đổi trạng thái lập đi lập lại của một vật. Thời gian chỉ có một chiều duy nhất đó là từ quá khứ, hiện tại, và tương lai. Đó chính là trình tự của Thời Gian.

Có người hay nhớ về quá khứ, luôn nhớ tới những sự việc đã xảy ra để rồi hồi tưởng lại với niềm vui, hoặc cảm thấy nhớ nhung, tiếc nuối, hờn trách hay phê phán. Có người lại chỉ thích sống với hiện tại, làm sao được vui vẻ, khoẻ mạnh, và hài hoà đối với mọi người. Có người muốn nhìn xa về tương lai và chuẩn bị những dự án thật kỹ lưỡng để lưu lại và truyền đạt cho thế hệ mai sau.

Thời Gian chỉ tiến tới, không trở lui, và không dừng lại đợi ai cả. Dù con người sống cách nào, sự việc xảy ra trước đây đã không còn tồn tại nữa, tương lai thì chưa đến, hiện tại mới đáng lưu ý và trân quý. Đời người chỉ có một khoảng thời gian

ấn định cho sự sống còn. Con người được sinh ra và chào đời bằng tiếng khóc đầu đời, rồi sống theo vận số của Trời, trải qua bao nhiêu thăng trầm, hỷ nộ ái ố, và cuối đời hai tay buông xuôi, trở về với cát bụi như chiếc lá rụng về cội. Giữa người và người, thời gian sinh sống chỉ cần vui vẻ, thông cảm, vị tha, không gây tổn thương nhau, không tính toán phải trái hơn thua, không chỉ trích miệt thị, vì ai cũng có lý lẽ và lối sống riêng của họ. Thời Gian cũng là liều thuốc để hàn gắn, xoa dịu và chữa lành những vết thương.

Sau một tuần lễ vui vẻ thăm bạn hiền, tôi tạm biệt Hằng để trở về nhà mà lòng còn luyến tiếc. Trước khi chia tay tại phi trường, Hằng đã trao cho tôi một phong bì lớn màu vàng và bảo tôi hãy đợi mở ra xem sau. Khi phi cơ bắt đầu cất cánh, tôi mở phong bì và thấy lá thư của Hằng ở trong đó, tôi lấy thư ra để đọc.

Nga thân mến,

Đã gần nửa thế kỷ chúng ta mới gặp lại. Thật là Hạnh Phúc! Một tuần lễ trôi qua rất nhanh, chúng ta đã có rất nhiều niềm vui thích thú ôn lại thuở cắp sách đến trường. Nhân dịp lễ Tạ Ơn này, chúng ta phải cảm ơn Thượng Đế đã ban phước lành cho chúng ta được mạnh khoẻ và may mắn còn gặp lại nhau. Cảm ơn đất nước tự do đã cưu mang giúp đỡ chúng ta có được ngày hôm nay. Hằng gửi tặng Nga một tập thơ, trong đó có một số bài đã được phổ thành nhạc, băng nhạc được kèm theo trong phong bì. Khi nghe nhạc rồi, Nga nhớ gọi điện thoại cho Hằng biết ý kiến nhe. Hằng rất vui mừng được gặp lại người bạn tri kỷ và hiểu rõ mình hơn ai hết. Mong rằng sẽ có ngày sang thăm gia đình của Nga ở bên đó. Hằng sẽ liên lạc sau, hẹn ngày tái ngộ. (Hằng)

Đọc thư xong, tôi tìm cuốn băng nhạc trong phong bì, lấy ra xem. Ngoài bìa cuốn băng có hình của Hằng đứng gần những cành lá Thu vàng trông rất thơ mộng. Tôi lấy tập thơ ra để đọc. Hằng sáng tác thơ với nhiều thể loại, có tình yêu mộng mơ,

có tình đồng đội, tình quê hương, v..v. Bài thơ "Câu Hò Trên Sông" đã làm cho tôi hồi tưởng lại hình ảnh cô lái đò trên dòng sông nơi miền quê đất Mẹ.

CÂU HÒ TRÊN SÔNG

Tha phương trong nỗi nhớ nhà
Quê hương còn đó lòng ta héo mòn
Bao giờ trở lại bên sông
Nhìn đò xuôi chảy trên dòng Hương Giang
Có cô thôn nữ trong làng
Cất cao giọng hát vang vang câu hò:

Hò ơi, gió thổi đong đưa
Đò tôi xuôi ngược giữa trưa nắng hè
Mong sao giữ được làng quê
Đừng để giặc lấn chiếm về mất luôn
Thương quê nặng trĩu tâm hồn
Gửi làn gió nỗi đau buồn riêng mang

Thời Gian biến đổi mọi vật trên trần thế, nhưng không thể xoá nhoà được những kỷ niệm và hình ảnh dấu yêu trong tiềm thức của mọi người.

Thời Gian cứ thể từ từ trôi, và người người vẫn tiếp tục sống với những ước mơ, ý nguyện, kỳ vọng, tâm huyết, hoài bão, và tấm chân tình thương yêu ở Đời.

Ánh Sao Tỏa Sáng

Hạ Bá Chung, K10

Chuyện xưa vào ngày 30-4-1975, thủ đô Sài Gòn của nước Việt Nam Cộng Hòa bị thất thủ, do hành động xâm lược tàn bạo của 3 quân đoàn chính qui Bắc Việt, với hỗ trợ của các sư đoàn chiến xa T54, pháo binh 130 ly, súng phòng không, và hỏa tiễn.

Vì việc phản bội của nước bạn đồng minh Hoa Kỳ, các tướng lãnh và các đại đơn vị của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã rã ngũ, trong đó có 11 sư đoàn Bộ Binh. Hai sư đoàn thiện chiến tổng trừ bị là Nhảy Dù và Thủy Quân Lục Chiến, gồm có 8 lữ đoàn đã bị Bộ Tổng Tham Mưu biệt phái cho các quân đoàn vài ba lữ đoàn, nên không còn chính danh là đại đơn vị.

Tại chiến trường, chỉ còn lại 3 đại đơn vị chiến đấu tới phút cuối cùng, với sự hiện diện của cấp chỉ huy đầy dũng cảm. Đó là Thiếu Tướng Lê Minh Đảo, Tư Lệnh Sư Đoàn 18 Bộ Binh; Chuẩn Tướng Trần Quang Khôi, Tư lệnh Lực lượng Xung Kích Quân Đoàn III; và Đại Tá Phan Văn Huấn, Chỉ Huy Trưởng Lực Lượng Biệt Cách Dù.

Tướng Khôi tốt nghiệp Khóa 6 Võ Bị Đà Lạt. Tướng Đảo

và Đại Tá Huấn tốt nghiệp Khóa 10 Võ Bị Đà Lạt.

Tôi cũng tốt nghiệp khóa 10 Võ Bị Đà Lạt nên cảm hứng viết bài này về các bạn đồng môn. Đứng cạnh những bông hoa hồng, ta dĩ nhiên có được chút ít hương thơm.

Năm 1966, Đại Tá Nguyễn Đình Vinh, Khóa 10 Võ Bị Đà Lạt, đương nhiệm Đổng Lý Võ Phòng cho Trung Tướng Nguyễn Hữu Có, Tổng Trưởng Quốc Phòng trong chính phủ của Tướng Nguyễn Cao Kỳ, đã tổ chức ngày họp mặt đầu tiên của khóa tại Saigon.

Lê Minh Đảo cũng là ngôi sao đang lên, với cấp bậc Thiếu Tá, đương nhiệm tỉnh trưởng ở miền lục tỉnh. Đảo có đứng lên bục thuyết trình nói vài lời chào mừng bạn bè cùng khóa. Tôi được biết Đảo và chắc chắn Đảo chưa biết tôi trong đại hội này.

Đa số chúng tôi lúc bấy giờ còn mang cấp bậc đại úy. Tôi phục vụ ở vùng I Chiến Thuật, nên chẳng có cơ hội nào tiếp xúc với Đảo, kể cả thời gian đi tù "cải tạo". Đảo là cấp tướng bị giam ở trại Hà Tây, gần Hà Nội, còn cấp sĩ quan trung tá chúng tôi ở Liên Trại I tỉnh Yên Bái, gần biên giới Việt Trung.

Lần thứ hai, tôi bị chuyển ra Bắc, tôi mới có dịp chuyện trò cùng Đảo trong trại Hà Tây.

Tới khi Trung Cộng tấn công Viêt Nam, với lời nói xấc xược, "dạy cho Việt Nam một bài học", bằng cách tung ra 3 lộ quân tiến đánh các tỉnh miền biên giới Việt Trung, chúng tôi bị chuyển trại về trại "cải tạo" Nam Hà, miền trung du Bắc Việt.

Cuối năm 1981, chúng chuyển sĩ quan cấp trung tá chúng tôi về lại miền Nam. Những phần tử chúng cho là ác ôn thì về trại "cải tạo" Pleiku ở cao nguyên Trung Phần, trong đó có tôi. Phần còn lại về trại Xuân Lộc miền Nam.

Ngày Chủ Nhật đầu tiên ở trại Pleiku, tôi đang sắp xếp lại quần áo tại chỗ giường nằm, Trung Tá Trần Đăng Khôi, Khóa 16 Võ Bị Đà Lạt, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn Dù và Trung Tá

Nguyễn Lô, Khóa 18 Võ Bị Đà Lạt, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu đoàn Dù lững thững bước vào thăm tôi.

Tôi chưa bao giờ gặp mặt hai vị sĩ quan này. Tuy vậy, họ tên cùng với chiến công hào hùng của hai vị sĩ quan này tôi đã được biết qua báo chí và đài phát thanh.

Tác giả, Đại Tá Trung Hoa Dân Quốc, Đại Tá Trần Quang Khôi và Trung Tá Cambodia trong chuyến du hành vòng quanh nước Mỹ do trường Leavenworth tổ chức (từ phải)

Sau khi Khôi giới thiệu tên và khóa của Nguyễn Lô, rồi tự giới thiệu tên và khóa của mình, Nguyễn Lô trầm giọng khẽ nói,

- "Niên trưởng khỏe không?"

Lần đầu tiên tôi nghe được từ ngữ "niên trưởng" làm tôi bâng khuâng suốt ngày. Danh xưng niên trưởng này chỉ có được từ Khóa 16 Võ Bị Đà Lạt, khi các khóa đàn anh dạy lại các khóa đàn em cũng đang thụ huấn tại trường.

Đêm nằm suy nghĩ lại, khi nghe thấy từ ngữ "niên trưởng" lần đầu tiên, tôi cảm thấy như nghe tiếng một trái bom tình cảm đồng đội nổ tung trong trái tim tôi, vì khi chúng tôi ở đỉnh vinh quang dưới chế độ Cộng Hòa, chúng tôi không tìm lại

với nhau để tự hào trong vòng hào quang chiến thắng, mà khi chúng tôi rơi xuống đáy địa ngục trần gian, chúng tôi lại tìm tới nhau để chia sẻ một nụ cười buồn.

Sau này tôi mới biết là, đó không phải là một quả bom tình cảm đồng đội mà là tình tự võ bị, vì danh xưng "niên trưởng" chỉ có ở Trường Võ Bị Đà Lạt.

Trên một chiến tuyến ngoài mặt trận, một sĩ quan Võ Bị Đà Lạt, sát cánh chiến đấu với một sĩ quan Võ Khoa Thủ Đức cùng sống chết có nhau là vì tình đồng đội. Còn khi một sĩ quan Võ Bị Đà Lạt khóa đàn anh, sát cánh chiến đấu với một sĩ quan Võ Bị Đà Lạt khóa đàn em, cùng sống chết có nhau là vì tình anh em.

Nhóm từ ngữ "tình tự võ bị" này cũng là lần đầu tiên tôi được đọc trên Tập San Đa Hiệu do Chủ Bút Phạm Đình Thừa gởi tới, khi tôi được đoàn tụ gia đình vào năm 1991 tại Hoa Kỳ. Tập San Đa Hiệu, vốn là tiếng nói của Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

"Tình tự võ bị" đã được nảy sinh ra ở quê nhà trước đây lâu rồi, trên các mặt trận đẫm máu ở các chiến trường khắp bốn vùng chiến thuật, ở nơi có sự tham dự, chia cơm, sẻ máu của các cựu sinh viên sĩ quan các khóa của trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Làm sao tôi nghe thấy nhóm chữ "tình tự Võ Bị" này được, khi mà suốt 7 năm ở vùng hỏa tuyến, tôi chỉ làm việc tham mưu trong Bộ Tư Lệnh Lực Lượng 3 Thủy Bộ Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, rồi chuyển sang bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 24 Lục Quân Hoa Kỳ.

Hai tháng sau ở trại "cải tạo" Pleiku, tôi sững sờ khi được gọi tên lên làm việc với hai cán bộ CS thuộc Bộ Công An Hà Nội. Chúng chỉ hỏi sơ qua về lý lịch của tôi, rồi ngày hôm sau, chúng đưa tôi ra phi trường Pleiku, lên máy bay của một hãng hàng không dân dụng trở lại miền Bắc về Hà Nội. Một chiếc xe hơi dân sự đã đợi đón tôi ở phi trường, đưa tôi về giam tại

hỏa lò Hà Nội. Tôi bị nhốt ở xà lim số 8, phòng số 3, nhìn kỹ trên tường còn có vết khắc tên các tù binh phi công Mỹ. Thiếu Tá Nguyễn Đức Thắng thuộc Cục Mật Vụ Trung Ương Tình Báo Phủ Tổng Thống bị giam ở phòng số 1. Thắng hiện nay đang cư trú tại San José.

Tôi bị chúng thẩm vấn nhiều lần, xung quanh hoạt động trong Bộ Tư Lệnh Lực Lượng 3 Thủy Bộ Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ. Chúng cho tôi xem bức hình Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư Lệnh Quân Đoàn I, đang gắn lon thiếu tá cho tôi trong văn phòng tư lệnh. Đứng cạnh tôi là Trung Tướng R. Cushman Tư Lệnh Lực Lượng 3 Thủy Bộ Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ. Sau này về lại Mỹ, Trung Tướng R.Cushman đã có thời làm Giám Đốc CIA (Central Intelligence Agency).

Tôi giải thích nhiều lần cho chúng là, tôi phục vụ ở Phòng 3, thuộc về hành quân. An Ninh Tình Báo thuộc về Phòng 2. Chúng đều đã biết nguyên tắc tổ chức tham mưu là như vậy. Tuy nhiên, đa nghi vốn là bản chất của người Cộng Sản.

Sau khi chúng thấy tôi không có liên hệ gì về CIA, chúng đưa tôi về trại "cải tạo" Hà Tây vào một buổi chiều gần Tết Nguyên Đán. Chúng tạm giam tôi ở bệnh xá, nơi đây tôi gặp Trung Tá Nguyễn Tái Đàm, làm y tá trong coi về thuốc men ở bệnh xá. Tối hôm đó, Đàm nấu cho tôi một gói mì ăn liền, làm tôi cảm động về tình chiến hữu. Đàm loan tin cho bạn bè biết, tôi vừa bị giải từ hỏa lò Hà Nội về, tạm giam ở bệnh xá.

Sáng hôm sau là ngày Chủ Nhật, Tướng Đảo lấy cớ đi khám bệnh, tìm cách gặp mặt tôi, nói vài lời trấn an tôi, biết tôi xao xuyến về chuyến ra Bắc lần thứ hai này.

Tôi lặng lẽ quan sát Tướng Đảo. Mặc dầu đã bị giam cầm tới 6 năm, ăn uống đói khát, thường xuyên bị khủng bố tinh thần, Tướng Đảo vẫn còn dáng vẻ hiên ngang của một tướng lãnh, uy vũ bất năng khuất, nhất cử nhất động đều ung dung thoải mái, nói năng từ tốn và thân thiện.

Cũng buổi sáng hôm ấy, một vị lớn tuổi nhưng tráng kiện,

đi ngang qua phòng tôi trong bệnh xá, ông ta khẽ vẫy tay nhìn tôi chỉ vào cánh cửa. Tôi từ từ đi ra, dựa lưng vào tường. Ông ta đứng ngoài cửa khẽ nói,

- "Anh Chung! Không có gì mà phải lo sợ… "

Tôi gật đầu cảm ơn. Lát sau tôi hỏi Nguyễn Tái Đàm mới biết ông ta là Đại Tá Lại Đức Chuẩn, Khóa 5 Võ Bị Đà Lạt, Trưởng Phòng I Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Ông ta là thân phụ của Đại Úy Hải Quân Lại Đức Hùng, Khóa 24 Võ Bị Đà Lạt.

Tình tự Võ Bị là như thế đấy, tôi rất hãnh diện được xuất thân từ Trường Võ Bị Đà Lạt.

* * *

Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo, Tư Lệnh Sư Đoàn 18 Bộ Binh, năm 1974.

Tại Hoa Kỳ vào năm 2003, thành phố Westminster miền Nam Cali, hân hoan chào đón hơn một ngàn đại biểu, đại diện các quân binh chủng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, từ khắp nơi trên thế giới, nghe theo tiếng còi tập họp của Tướng Lê Minh Đảo, về họp mặt trong ngày Đại Hội Toàn Quân lần đầu tiên và có nhẽ cũng là lần cuối cùng, sau khi thủ đô Sài Gòn bị thất thủ vào năm 1975.

Trong một tuần lễ sinh hoạt, đại hội bầu ra được Hội Đồng Đại Diện do Giáo Sư Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh làm chủ tịch. Giáo Sư Vinh nguyên là Đại Tá Tư lệnh Không Quân thời Đệ Nhất Cộng Hòa và là khoa học gia về không gian tại Hoa Kỳ.

Tiếp đó, đại hội bầu Hội Đồng Điều Hợp do Tướng Lê Minh Đảo làm chủ tịch, có nhiệm vụ điều hành các sinh hoạt

chống Cộng trên các mặt trận chính trị, văn hóa qua 4 khu hội tại Hoa Kỳ và 3 khu hội hải ngoại là châu Âu, châu Úc, và Canada.

Vào năm 2005, Tướng Đảo tuyên bố từ chức chủ tịch Hội Đồng Điều Hợp mà không đưa ra lý do.

Lần thứ hai, tôi được chuyện trò cùng Đảo ở đại hội này.

Trước ngày tiền đại hội, khi Tướng Đảo đang đi quan sát trang trí phòng hội, vợ chồng tôi thong thả đi tới gặp Đảo. Tướng Đảo cười tươi tắn, bắt tay tôi và hơi cúi đầu chào lại bà xã tôi. Bà xã tôi khẽ khàng nói,

- "Thưa Thiếu Tướng, vợ chồng em tới mời ông bà Thiếu Tướng đi ăn bữa trưa nay, để em có được hân hạnh gặp mặt bà Thiếu Tướng."

Tướng Đảo vừa cười vừa xua tay nói,

- "Sao chị lại xưng hô như vậy. Chúng ta gọi nhau là anh chị đủ rồi. Chúng tôi là bạn học cùng khóa mà."

Gặp mặt Tướng Đảo trong kỳ đại hội này, lòng tôi có chút ngậm ngùi.

Tôi thấy Tướng Đảo có nét mặt đầy vẻ ưu tư, mất đi vẻ kiêu hùng và các trận cười hào sảng trong ngày đại hội Khóa 10, vào năm 1966. Phải chăng Tướng Đảo đã nhìn thấy các khó khăn to lớn trước mắt? Đứng ra tổ chức đại hội toàn quân có cả ngàn người tham dự, thì chắc hẳn Đảo phải biết tiền bạc là vấn đề lớn.

Tại quốc nội, Tướng Đảo đã vinh danh quân đội để bảo vệ Tổ Quốc, với cái giá phải trả là 17 năm trong ngục tù Cộng Sản.

Tại hải ngoại, Tướng Đảo đã vinh danh cấp tướng lãnh để bảo vệ sự đoàn kết của đoàn quân chiến bại với cái giá phải trả là sự xuyên tạc vu vơ.

Giờ đây trên bầu trời của đoàn người di tản xa quê hương,

một vì sao sáng đang dần dần mờ nhạt...

* * *

Đại Tá Trần Quang Khôi và tôi cùng thụ huấn bổ túc Anh ngữ trong 6 tháng tại trường Sinh Ngữ Quân Đội để chuẩn bị du học và cùng thụ huấn tại trường đại học Chỉ Huy và Tham Mưu Fort Leavenworth Hoa Kỳ, thời gian một năm.

Phòng của niên trưởng Khôi và tôi sát liền nhau, mỗi buổi sáng chúng tôi thả bộ dọc theo bờ hồ là tới các giảng đường.

Khi viết về niên trưởng Khôi, kỷ niệm đầu tiên hiện ra trong trí nhớ của tôi là bữa ăn tối tại tư gia của ông trước ngày du học. Ngoài tôi ra còn có Trung Tá Nguyễn Bá Mạnh Hùng, Khóa 10 Võ Bị Đà Lạt, và hai ba người nữa mà tôi quên mất tên.

Phu nhân Tướng Khôi là một phụ nữ miền Nam dịu dàng, hòa nhã dáng vẻ cao sang, lúc nào cũng có nụ cười trên môi.

Chúng tôi được thưởng thức một bữa ăn ngon miệng, với các món ăn được nấu nướng với các gia vị đặc biệt của người miền Nam. Mỗi khi tiếp món ăn cho chúng tôi, khuôn mặt niên trưởng Khôi luôn luôn rạng rỡ, cười nói,

- "Món này do chính tay bà xã tôi nấu đấy."

Sự ấm cúng, hạnh phúc của một gia đình như tỏa hương thơm trong không khí, làm tôi vô cùng ngưỡng mộ.

Cuộc đời binh nghiệp của niên trưởng Khôi lúc bổng, lúc trầm. Thời kỳ đắc ý nhất của niên trưởng Khôi là đảm nhiệm chức vụ Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh dưới quyền Trung Tướng Đỗ Cao Trí, Tư Lệnh Quân Đoàn III.

Tới khi niên trưởng Khôi sáng tạo ra mô hình đơn vị tác chiến mới mẻ là Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn III, Tướng Trí đánh giá cao sáng kiến này, cho thực hiện và chỉ định Đại Tá Khôi làm tư lệnh lực lượng này.

Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh có 2 thiết đoàn đoàn Kỵ Binh. Mỗi

thiết đoàn Kỵ Binh hành quân chung với một liên đoàn Biệt Động Quân thực hiện hành quân phối hợp nhị thức Bộ Binh và Thiết Giáp. Như vậy mỗi khi lâm trận, hệ thống chỉ huy được thống nhất giữa thiết giáp và bộ binh và tạo được tính linh hoạt mỗi khi hiệp đồng tác chiến.

Trong trận tấn công qua biên giới Việt – Miên đánh thẳng vào căn cứ đầu não của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam nằm sâu trong nội địa nước Miên, lực lượng xung kích Quân Đoàn III đã tạo được nhiều chiến thắng vẻ vang, mang lại niềm kiêu hãnh cho binh chủng Thiết Giáp.

Vận nước đến hồi mạt vận. Trung Tướng Đỗ Cao Trí, danh tướng số 1 của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, tử nạn khi máy bay trực thăng bốc cháy trên không trung, cùng với đám tùy tùng.

Trung Tướng Trần Văn Minh được bổ nhiệm vào chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn III. Rất tiếc, Tướng Minh không có kế hoạch hành quân rõ ràng. Chẳng bao lâu sau, Tướng Minh xé lực lượng Xung Kích Quân Đoàn III ra làm hai mảnh, một mảnh trả về Thiết Giáp, một mảnh trả về Biệt Động Quân. Niên trưởng Khôi bất mãn xin đi du học Hoa Kỳ.

Tổng Thống Thiệu phải bổ nhiệm Trung Tướng Thuần thay thế Tướng Minh.

Một năm sau, niên trưởng Khôi du học trở về. Tướng Thuần lên Bộ Tổng Tham Mưu yêu cầu trả Đại Tá Khôi về lại Quân Đoàn III, với trách nhiệm thiết lập lại Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn III như thời Tướng Đỗ Cao Trí, và bổ nhiệm Đại Tá Khôi làm tư lệnh lực lượng này.

Như cá gặp nước, Đại Tá Khôi đạt được nhiều chiến công oanh liệt và được thăng cấp chuẩn tướng ngoài mặt trận. Ngôi sao cấp tướng này đã làm Chuẩn Tướng Khôi vô cùng vinh dự, vì đây là ngôi sao chiến công của binh chủng Thiết Giáp.

Trong các vị tướng của QLVNCH có nhiều vị đội mũ đen binh chủng Thiết Giáp, như Trung Tướng Vĩnh Lộc, Trung

Tướng Hoàng Xuân Lãm, Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn. Nhưng các vị này đã ra khỏi binh chủng Thiết giáp, sang làm tư lệnh sư đoàn Bộ Binh mới thăng cấp tướng.

Từ khi du học trở về, thời gian đi tù "cải tạo" tới khi định cư tại Hoa Kỳ, tôi chưa bao giờ có được tin tức về niên trưởng Khôi. Cách đây chừng bảy, tám năm, tôi đọc tuần báo Saigon Nhỏ phát hành từ Nam Cali, thấy đăng cáo phó của Chuẩn Tướng Trần Quang Khôi về người hôn phối đã tạ thế ở tiểu bang Virginia. Tôi sững sờ nhớ lại bữa cơm chị Khôi đã nấu nướng cho mấy người chúng tôi trước khi đi du học Hoa Kỳ.

Tôi mất nhiều thời giờ trước sạp thiệp chia buồn (sympathy) của nhà in Hallmark trong siêu thị Lucky, mới chọn lựa được lời viết chia buồn vừa thiết tha, vừa chân thành và các hình vẽ màu sắc trình bày thanh nhã sao cho phù hợp với con người của chị Khôi. Trang trong bên trái, tôi viết vài chữ, *"Kính niên trưởng. Vợ chồng tôi thành tâm xin được chia sẻ nỗi đau buồn của niên trưởng."*

Chừng hai, ba tuần sau, tôi nhận được bì thư nhỏ bé loại thiệp cảm ơn in sẵn của niên trưởng Khôi, vỏn vẹn hai hàng chữ với lời lẽ vô cùng cảm động. Đọc xong tôi ngạc nhiên đến sững sờ, không ngờ con người niên trưởng Khôi bề ngoài khô khan, nghiêm khắc mà có những lời lẽ đầy tình cảm thiết tha như vậy. Bà xã tôi đọc xong, cũng phải quay đi chùi vội giọt nước mắt, rồi nhìn tôi khẽ nói, "*Lòng em thương anh mà người ngoài còn nhìn thấy được. Em giữ tấm thiệp này*." rồi lặng lẽ cầm bì thư cất vào ngăn tủ.

Mấy bữa nay, tôi cố lục tìm tấm thiệp này mà không sao tìm được, vì bà xã tôi cũng đã đi về đất Phật hơn một năm rồi.

Tôi chỉ nhớ nội dung tấm thiệp là, niên trưởng Khôi diễn tả **ánh mắt u buồn của bà xã tôi nhìn tôi bước ra sân bay**, đến giờ phút này vẫn làm niên trưởng Khôi xúc động. Tôi nghĩ, những lời lẽ tình cảm thương nhớ về vợ chồng làm xúc động lòng người, chỉ viết ra được từ một người vợ hay chồng, vừa

mất đi người bạn đời của mình để lại mình sống trong cảnh tuổi già cô quạnh.

Trong cuộc chiến tranh Quốc – Cộng, tại miền Nam Việt Nam, tướng Khôi đã vinh danh binh chủng Thiết giáp, chiến đấu để bảo vệ quyền tự do, dân chủ cho người dân miền Nam với cái giá phải trả là 17 năm trong ngục tù Cộng Sản. Giờ đây, trên bầu trời của đoàn người di tản xa quê hương, một ngôi sao cô độc còn lập lòe chiếu sáng....

Chuẩn Tướng Trần Quang Khôi, Tư Lệnh Lữ Đoàn 3 Thiết Kỵ, 1974

Khi còn tại trường Võ Bị Đà Lạt, Đại Tá Phan Văn Huấn và tôi ở khác đại đội nên không quen biết nhau. Từ khi ra trường tới khi mất nước, Huấn và tôi vẫn chưa có dịp nói chuyện với nhau lần nào. Mãi tới năm 2002, Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tổ chức đại hội tại Nam Cali, tôi xuống tham dự mới chuyện trò với Huấn.

Tuy vậy, tôi đã được biết thành tích vẻ vang của Huấn trong binh chủng Biệt Kích Dù, vì tôi có người cháu con người chị ruột, cấp bậc đại úy trước thuộc Lực Lượng Biệt Kích Mũ Xanh của Mỹ, sau chuyển sang Lực Lượng Đặc Biệt biên phòng, dưới quyền của Huấn.

Một hôm, hắn từ San José xuống thăm tôi tại Fremont. Hai cậu cháu chuyện trò hỉ hả về chuyện ngày xưa khi còn mặc áo lính ở quê nhà. Bỗng nhiên, hắn cười hì hì rồi nói,

- "Gần đây cháu vừa tìm ra một nhân vật nổi tiếng, có nhiều liên hệ tới Biệt Kích Dù của cháu."

- "Sao bây giờ mới tìm ra. Là ai vậy?" Tôi ngạc nhiên hỏi.

Hắn làm một hơi hết nửa ly la-de rồi mới nói,

- "Cậu là vua đọc chuyện chưởng của nhà văn Kim Dung. Trong bộ "Lục Mạch Thần Kiếm", hai vị đại cao thủ nổi tiếng trong võ lâm là, "Nam Mộ Dung, Bắc Kiều Phong." Đòn sát thủ của Kiều Phong là "giáng long thập bát chưởng", còn đòn sát thủ nổi danh của Mộ Dung Cô Tô là "gậy ông đập lưng ông." Cậu thấy ai là người có liên hệ tới nguồn gốc Biệt Kích Dù của tụi cháu?"

Tôi nạt nó,

- "Thôi đi! Mày nói dóc tổ sư. Chuyện chưởng là chuyện chưởng ở bên Tàu, Biệt Kích Dù của mày là biệt kích dù ở Việt Nam. Tao chẳng thấy một chút dây mơ rễ má nào cả."

Hắn cười khoái trá nói,

- "Vậy mà có đấy! Công tử Mộ Dung Cô Tô sử dụng chiêu "gậy ông đập lưng ông", nghĩa là địch thủ có chiêu sát thủ nào thì sẽ bị chết vì chiêu sát thủ đó. Tỷ như chưởng môn phái Côn Luân nổi danh về "thất thương quyền", nếu đấu chưởng với Mộ Dung công tử thì chưởng môn phái Côn Luân sẽ bị chết về chiêu "thất thương quyền", có nghĩa là lục phủ ngũ tạng rời phương vị. Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Biệt kích Dù của tụi cháu, sử dụng chiêu đó với tụi Việt Cộng. Chúng nó sở trường tác chiến ban đêm, Biệt Kích Dù chúng cháu tấn công tụi nó toàn vào ban đêm, như chúng cháu đã làm ở thị xã An Lộc, khi thị xã này bị chúng chiếm đóng, chúng cháu phải vào giải tỏa. Thị xã An Lộc bị chúng chiếm giữ đã lâu ngày, nên chúng cháu gặp nhiều khó khăn, chết khá nhiều, phải chôn ngay trong thị xã. Tuy vậy, chúng cháu tiêu diệt tụi Việt Cộng trọn ổ. Dân chúng cũng bị chết oan vì lạc đạn không biết bao nhiêu nữa. Một cô giáo ở thị xã An Lộc còn sống sót sau cuộc chiến, khi đi qua dãy mộ Biệt Kích Dù, đã tức cảnh sinh tình, làm ra một câu đối để đời,

An Lộc địa, sử ghi chiến tích
Biệt Kích Dù, vị quốc vong thân."

Nói xong, hắn cười ha hả khoái chí.

Tôi cũng phì cười, vì thằng này đúng là tổ sư nói dóc, nhưng nghĩ lại cuộc chiến ở An Lộc, thì chuyện xảy ra đúng như vậy. Tôi đẩy đĩa thịt nướng lại phía nó, rồi hỏi,

- "Vậy chứ Đại Tá Huấn của mày còn có chiêu thức "gậy ông đập lưng ông" nào nữa không?"

Hắn cười toe toét,

- "Đại Tá Chỉ Huy Trưởng của tụi cháu là vị chưởng môn mà. Thiếu gì chiêu thức sát thủ. Chiêu sát thủ thứ hai, ổng dạy cho tụi cháu. Mỗi khi chúng cháu nhảy toán vào mật khu của chúng, thường là rừng già giữa biên giới Việt - Lào, chúng cháu đã được huấn luyện cam go và được trang bị đầy đủ, y chang Việt Cộng. Chúng cháu đội nón cối, mặc đồ vải xanh dệt tại Nam Định, đeo súng AK47, y hệt tụi nó. Nói năng là mở miệng ra chửi thề tục tĩu. Đặc công Việt cộng giả dạng thường dân vào thủ đô, hay tỉnh lỵ đốt kho xăng, kho đạn của ta, thì chúng cháu cũng giả dạng Việt Cộng vào mật khu đốt kho xăng, kho đạn của chúng.

Tuy vậy, nhiệm vụ nhẩy toán của chúng cháu thường là thu thập tin tức tình báo quan trọng hơn. Có lần vào ban ngày, chúng cháu bất ngờ chạm mặt mấy thằng bộ đội chính quy Bắc Việt ở khe suối, cháu còn vỗ vai tụi nó, cho chúng hút thuốc lá rê nữa."

- "Thôi đủ rồi! Nhân danh bạn Khóa 10 với chỉ huy trưởng của mày, tao gắn cho mày một cái huy chương Đệ Nhất Đẳng Bội Tinh "nói dóc."Tôi cười nói.

Thế là hai cậu cháu tôi cười vang nhà.

Năm 2002, tôi xuống Nam Cali tham dự đại hội của Tổng Hội Cựu sinh Viện Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Nhân viên ban tiếp tân dẫn tôi tới bàn dành riêng cho khóa 10, ngồi cạnh Huấn. Tôi bắt tay Huấn nói, "Tao, Chung", và Huấn cười đáp lại, "Tao, Huấn". Lúc ngồi xuống tôi mới chợt

nhớ ra hỏi, "Mày là Phan Văn Huấn?" Huấn cười nhẹ gật đầu.

Thế là tôi chủ động làm quen với hắn, gợi chuyện hỏi thăm về gia cảnh của hắn. Hắn trả lời nhã nhặn cầm chừng. Đến khi tôi chuyển đề tài sang nói chuyện về các bạn đồng khóa, thì hắn tham gia đầy nhiệt tình với các bạn ngồi cùng bàn, cười nói vui vẻ, ồn ào náo nhiệt.

Thừa lúc hắn ngả mình ra dựa vào thành ghế, tôi cũng làm như hắn, rồi quay sang hỏi,

- "Bao lâu rồi mày không trở lại thăm Đà Lạt?"

Đưa mắt nhìn tôi, hắn tươi cười trả lời,

- "Trước năm 1975, năm nào tao cũng lên Đà Lạt một, hai lần. Đó là thú vui duy nhất của tao, thời còn lại ở Sài Gòn. Tao luôn luôn dành riêng một ngày để sống y chang của một sinh viên sĩ quan dạo phố ngày Chủ Nhật. Buổi sáng tao dạo quanh chợ Hòa Bình để tìm ăn lại những món ăn khi xưa. Buổi trưa tao lái xe tới trường Võ Bị Đà Lạt cũ để nhìn cái cổng trường, mà mỗi khi đi ra đi vào, phải đi theo hàng và hát bài "Xuất Quân". Sau đó, tao thả bộ xuống thị xã nhỏ bé Saint Benoir, dạo quanh mấy phố, rồi trèo qua hai ngọn đồi trong rừng thông tới hồ Than Thở. Tao ngồi tĩnh tâm ở đó rất lâu, để lòng mình thanh thản nhớ lại chuyện xưa."

Tôi cười cười nhìn hắn, đoán mò,

- "Vậy là có một cuộc tình nho nhỏ áo trắng học trò ở Saint Benoir phải không?"

Hắn mỉm cười, im lặng.

Sau khi nghe chuyện tình dang dở của Huấn, tôi chợt nhớ lại chuyện tình cờ tôi được nhìn thấy một bông hồng tình yêu nở ra muộn màng vì hệ lụy của chiến tranh, trên đất Đà Lạt gió lạnh sương mù vào năm 1983...

Ôn Lại Biến Cố Phật Giáo 1963 Làm Sụp Đổ Nền Đệ Nhất Cộng Hòa.

Đặng Kim Thu, K19

Theo báo chí thời đó, biến cố Phật Giáo xảy ra ngày 6 tháng 5 năm 1963, hai ngày trước lễ Phật Đản, khiến dân chúng phẫn uất biểu tình phản đối. Tối ngày 8 tháng 5 năm 1963, khi Phật tử biểu tình kéo đến đài phát thanh Huế yêu cầu phát thanh buổi lễ, chánh quyền Huế chẳng những không cho phát thanh mà còn đem xe bọc thép của Bảo An tới, ném lựu đạn giải tán làm chết 9 người và nhiều người bị thương (theo báo chí lúc đó).

Tiếp theo, Thiếu Tá Đặng Sĩ, Phó Tỉnh Trưởng Nội An tỉnh Thừa Thiên, tuyên bố rằng ông chỉ cho đem xe bọc thép tới để bảo vệ đài, chứ không hề ra lệnh ném lựu đạn vào dân chúng. Chất nổ chết người thuộc loại plastic chỉ Việt Cộng mới có, để sử dụng phá hoại mà thôi. Quân đội VNCH không có loại chất nổ đó.

Nhưng phía Phật Giáo quả quyết là chính quyền cố tình đàn áp Phật Giáo, đòi chính quyền phải chịu trách nhiệm, xin lỗi và bồi thường thỏa đáng cho gia đình các nạn nhân.

Phía tranh đấu Phật Giáo cho lời tuyên bố của Đặng Sĩ như vậy là chánh quyền thiếu thành tín và tổ chức vụ tự thiêu đầu tiên của Hòa Thượng Thích Quảng Đức, 73 tuổi, tại ngã tư

đường Phan Thanh Giản và Lê Văn Duyệt, Sài Gòn.

Hình ảnh Hòa Thượng Thích Quảng Đức cháy như cây đuốc chiều sáng trên đài truyền hình Mỹ và xuất hiện trên các báo chí Mỹ khiến dân Mỹ kinh ngạc và xúc động.

Tin tức được biết sau đó là có một phái đoàn Phật Giáo do Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết hướng dẫn từ Huế vào Sài Gòn yết kiến Tổng Thống Diệm để yêu cầu xét lại quy chế Phật Giáo mà Dụ số 10 của Quốc Trưởng Bảo Đại dưới thời Pháp thuộc đã xếp Phật Giáo ngang hàng một hiệp hội. Phái đoàn yêu cầu cho Phật Giáo được bình đẳng với Công Giáo, tự do treo cờ và chấm dứt việc bắt bớ, khủng bố tăng ni, để Phật Giáo được tự do hành đạo và truyền đạo.

Sau ba ngày thương thảo, chánh phủ và phái đoàn Phật Giáo thỏa thuận một thông cáo chung gồm năm điểm:

1. Cờ Phật Giáo trong ngày lễ được treo ngoài đường, nhưng phải treo bên cạnh quốc kỳ Việt Nam, có kích thước lớn hơn.

2. Lập ủy ban liên bộ và liên phái để điều tra vụ chết người. Chánh phủ sẽ trừng trị người có tội.

3. Chính phủ sẽ bồi thường thỏa đáng cho gia đình có người chết ở đài phát thanh Huế.

4. Hội họp trong chùa không cần xin giấy phép. Chính quyền nới lỏng việc kiểm soát giấy tờ của chùa.

5. Quốc Hội sẽ nghiên cứu qui chế Phật Giáo.

Sau đó, Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết gửi thư cám ơn Tổng Thống Diệm và kêu gọi các sư trở về đời sống bình thường, cầu nguyện, tôn trọng thông cáo chung, tôn trọng luật phát quốc gia và tuân theo chỉ thị của Tổng Hội Phật Giáo. Hòa Thượng Khiết cũng tuyên bố chấm dứt phong trào tranh đấu, kéo dài cả tháng.

Tổng Thống Diệm đã hiệu triệu quốc dân, kêu gọi mọi người bình tĩnh và tin tưởng thiện chí dàn xếp của ông.

Công việc giải hòa đang tiến triển tốt đẹp thì bà Nhu lên tiếng đả kích vụ tự thiêu như là "một việc nướng thịt (barbecue) bằng xăng ngoại quốc". Vì thế dư luận Mỹ và quốc tế bị khích động đến cực độ.

Chưa hết, bà Nhu đã vậy còn ra một thông cáo, nhân danh Chủ Tịch Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới chống phương thức hòa giải và nặng lời công kích một số các sư không phải chân tu.

Theo đề nghị của Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần, Tổng Thống Diệm ba lần không cho đăng thông cáo nói trên, vì có hại cho công cuộc hòa giải đang tiến hành tốt đẹp; nhưng cuối cùng ông đã nhượng bộ bà Nhu.

Ông Diệm bảo:

- "Thảng hoặc tìm cách phổ biến hạn hẹp."

Ý của ông là muốn đăng trên Việt Tấn Xã thuộc Ban Ngoại Ngữ vào chiều Thứ Bảy.

Làm sao mà hạn hẹp được? Trong khi báo "Time of Vietnam" và báo "Journal d'Extrême Orient" đã đăng thì các báo Việt Ngữ sẽ dịch ra đăng lại. Thế là ngọn lửa đấu tranh lại bùng phát dữ dội.

Trở lại vụ tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức. Lúc đó, Tổng Thống Diệm đang dự lễ cầu hồn cho Giáo Hoàng Gioan 23 tại Vương Cung Thánh Đường Sài Gòn với nhân viên chính phủ, chủ tịch Quốc Hội và ngoại giao đoàn, thì Bộ Trưởng Nội Vụ Bùi Văn Lương báo các vói ông về tin tức vụ tự thiêu. Tổng Thống Diệm khựng lại, rồi nói:

- "Có chi mô mà phải làm như thế?"

Ngay buổi chiều hôm đó, Tổng Thống Diệm cho công bố một bản hiệu triệu, nói:

- "Trong khi cuộc hòa giải đang tiến hành tốt đẹp thì sáng nay các tuyên truyền quá khích che dấu sự thật, gây hoài nghi về thiện chí của chính phủ khiến một số ngời bị đầu độc gây

một án mạng oan uổng làm tôi rất đau lòng."

Tình hình vẫn không lắng dịu. Qua tháng 8 lại xảy ra nhiều vụ tự thiêu: Đức Phong tự thiêu tại Phan Thiết ngày 4 tháng 8; nữ sinh Mai Tuyết Anh chặt tay cúng dường tại chùa Xá Lợi ngày 12 tháng 8; Diệu Nữ, 17 tuổi tự thiêu tại Hòn Khói - Nha Trang; sư Tiêu Diêu, 71 tuổi tự thiêu tại chùa Từ Đàm - Huế; và sư bà Diệu Không, mẹ của Đại Sứ Bửu Hội, dọa tự thiêu tại Huế.

Sáng hôm sau, Tổng Thống Diệm đã họp Hội Đồng Bộ Trưởng vào buổi sáng, rồi ban bố tình trạng thiết quân luật, và lệnh giới nghiêm trên toàn quốc. Quân đội được quyền khám xét nhà và bắt người hoạt động có hại cho an ninh quốc gia, cấm hội họp, kiểm duyệt báo chí, cấm tàng trữ các tài liệu có tính cách tuyên truyền chống đối chính phủ. Mọi vi phạm đều do tòa án quân sự xét xử.

Tướng Trần Văn Đôn được cử giữ chức Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng, thay thế Đại Tướng Lê Văn Tỵ, qua Mỹ trị bịnh. Tướng Tôn Thất Đính được chỉ định làm Tư Lệnh Quân Đoàn III, kiêm Tổng Trấn Sài Gòn- Gia Định.

Ngoại Trưởng Vũ Văn Mẫu cạo đầu để phản đối và từ chức, nhưng chỉ được Tổng Thống cho nghỉ dài hạn một năm để đi hành hương qua Ấn Độ.

Ông Trần Văn Chương, thân phụ của bà Nhu, đang làm đại sứ tại Mỹ, đánh điện về phản đối và bị cách chức. Ông Đỗ Văn Lý được cử thay thế nhưng Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ trì hoãn không cho trình Ủy Nhiệm Thư. Sự kiện này cho thấy Bộ Ngoại Giao Mỹ đã có thái độ chống ông Diệm. Bà Trần Văn Chương, đại diện VNCH tại Liên Hiệp Quốc, cũng gửi điện từ chức.

Theo hồi ký của Linh Mục Cao Văn Luận, ông bà Trần Văn Chương chỉ ủng hộ ông Diệm lúc ông thành công, nhưng khi gặp khó khăn thì trở cờ, chẳng những không ủng hộ mà còn toa rập với những viên chức Mỹ chống ông Diệm. Đại

sứ Chương đã nói rằng ông Diệm đã cho lệnh giết hàng loạt người, gieo rắc khủng bố. Đại Sứ Chương đã tới nhà Đại Tá Lansdale (người trước đây đã giúp ông Diệm) nói phải lật đổ ông Diệm.

Khi đến Mỹ, Linh Mục Cao Văn Luận đã được Đại Sứ Chương dẫn đi gặp các viên chức và chính trị gia chống ông Diệm.

Lúc bao vây chùa, lực lượng bao vây được lệnh không bắt những sư mặc áo vàng, vì đó là những nhà "chân tu". Một sa di tên là Nguyễn Đình Chương nghe lóm được lệnh đó nên đã cởi áo vàng để cho Thích Trí Quang mặc vào, rồi leo tường qua bên Cơ Quan Viện Trợ Mỹ (USAID) để xin tỵ nạn, ở sát phía sau chùa Xá Lợi. Vì thế ông ta thoát khỏi cuộc bố ráp này.

Đã tới Sài Gòn nhưng chưa trình Ủy Nhiệm Thư, Đại Sứ Cabot Lodge liền tới cơ quan USAID gặp Thích Trí Quang, đứng chụp hình chung rồi đưa qua Tòa Đai Sứ Hoa Kỳ cho ông ta tỵ nạn chính trị.

Lúc này, Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết và Thích Thiện Hoa lên tiếng yêu cầu các sư tách ra khỏi chính trị, để trở về chùa lo tu niệm. Riêng Hòa Thượng Thích Thiện Hoa còn nói thêm rằng ông tán thành việc giám sát chùa và bắt các sư làm chính trị như là "biện pháp cần thiết để bảo vệ đất nước." Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết gửi thơ cho Tổng Thống Diệm yêu cầu cho Hòa Thượng Thích Thiện Hoa đến điều đình với chánh phủ để tìm giải pháp ổn thỏa.

Hai ngày sau, chánh phủ giao trả lại các chùa cho Hòa Thượng Thích Thiện Hoa và trả tự do cho một số sư sãi đã bị bắt.

Vấn đề Phật Giáo vừa tạm ổn thì ngày 23 tháng 8, Tướng Tôn Thất Đính ra lệnh đóng cửa các trường đại học và trung học. Hai ngày sau, sinh viên và học sinh xuống đường biểu tình rầm rộ. Cảnh sát và quân đội đã đến giải tán. Trong lúc hỗn độn hai bên xô xát nhau, bỗng có vài phát súng nổ. Nữ

sinh Quách Thị Trang bị trúng đạn chết trên đường Lê Thánh Tôn, gần chợ Bến Thành. Sau ngày 1 tháng 11 năm 1963, chánh phủ đã cho dựng tượng Quách Thị Trang tại bùng binh chợ Bến Thành. Giờ đây bùng binh này được gọi là Công Trường Quách Thị Trang.

Ngày 28 tháng 8, thư của Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết gửi cho Tổng Thống Diệm được công bố, lệnh giới nghiêm được dỡ bỏ; sinh viên, học sinh, phật tử bị bắt được trả tự do. Các trường học được mở cửa lại. Giới nghiêm được bãi bỏ.

Với việc thỏa thuận của các vị lãnh đọa Phật Giáo, trong đó có Hòa Thượng Thích Trí Quang, Tổng Thống Diệm chỉ thị cho Đại Sứ Bửu Hội tới Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc trình bày tình hình Việt Nam và mời Liên Hiệp Quốc cử một phái đoàn qua Việt Nam tìm hiểu sự thật, để xem có đàn áp Phật Giáo hay không. Thế nhưng vài ngày sau, Thích Trí Quang đổi ý, tuyên bố rằng việc Liên Hiệp Quốc cử phái đoàn qua Việt Nam là không cần thiết. Ông ta lại kêu gọi sinh viên, Phật tử liên tiếp xuống đường, khiến cảnh sát lại canh giữ các trường học và bắt giữ một số sinh viên và Phật tử.

Từ Sài Gòn, phong trào phản đối lan tràn ra các tỉnh Vĩnh Long, Biên Hòa, Nha Trang, Đà Lạt. Truyền đơn được phát ra từ chùa Xá Lợi kêu gọi sinh viên, học sinh xuống đường.

Ngày 11 tháng 9, bà Nhu đi dự hội nghị các nghị sĩ quốc tế họp tại Belgrade. Rồi bà qua Hoa Kỳ, như bà ta nói là để giải độc dư luận. Bà xuất hiện trên truyền hình Mỹ, đài phát thanh, và gặp một số chính khách Mỹ. Ít ra là tại 14 nơi khác nhau để bà giải thích chính sách của chánh phủ Ngô Đình Diệm. Bà Nhu cũng đồng thời phủ nhận không có đàn áp tôn giáo tại Việt Nam mà chỉ có một số sư quá khích muốn lật đổ chính phủ tạo ra xáo trộn mà thôi. Nhưng bà không thuyết phục được ai vì cá nhân của bà bị mang nhiều tai tiếng, cũng như cách nói năng của bà không gây được cảm tình từ người khác.

Lúc bấy giờ có lời đồn đại rằng ông Nhu nắm quyền quyết

định mọi việc. Thanh Niên Cộng Hòa mà ông Nhu là thủ lãnh gồm toàn công chức cao cấp của chính phủ. Họ được lệnh khi đi làm phải mặc đồng phục như của Thanh Niên Cộng Hòa.

Sĩ quan tùy viên Đỗ Thọ, người đã theo chân Tổng Thống Diệm tới buổi sáng cuối cùng ngày 2 tháng 11 năm 1963 trước khi ông bị giết, đã viết trong hồi ký là ông Diệm chán nản khi vụ Phật Giáo xảy ra. Ông nói số Tử Vi của ông trong năm đó rất xấu. Ông đã có lần muốn từ chức nhưng lại sợ miền Nam sẽ mất và tay Cộng Sản, khiến người dân sẽ cực khổ. Ông Đỗ Thọ cũng có nhận xét là ông Nhu đã lấn quyền Tổng Thống Diệm.

Biến cố Phật Giáo, đâu là sự thật? Bàn tay lông lá của CIA và của Hòa Thượng Thích Trí Độ ngoài Hà Nội là nguyên do của biến cố này. Ông Hoàng Hữu Khái, chánh án tòa án Huế và Thừa Thiên, cố giữ chức Tổng Thư Ký trong Ban Trị Sự Hội Phật Học Trung Việt, mà Thích Trí Quang là bí thư. Một hôm tình cờ, ông Khác đọc được lá thư của Thích Trí Độ, ở Hàn Nội gửi cho Thích Trí Quang, bảo phải tổ chức phong trào Phật Giáo chống chế độ Ngô Đình Diệm. Thấy tình thế nguy hiểm đến sự nghiệp và bản thân, ông Khác xin từ chức Tổng Thư Ký và ra khỏi Ban Trị Sự Hội Phật Học.

Ông Khác liền báo cho ông Ngô Đình Cẩn biết, vì hai nhà ở gần nhau. Ông Cẩn không tin, bảo rằng ông đang chơi thân với Thích Trí Quang, chẳng lẽ ông ta lại giấu ông chuyện đó. Vì thế ông Cẩn đã không báo cho Tổng Thống Diệm.

Theo nhật ký của ông Đỗ Thọ, khi vụ Phật Giáo xảy ra, Tổng Thống Diệm đã cho rằng ông Ngô Đình Nhu đã "làm thất chính sách" mà gây ra. Ông đã nổi nóng đập cái gạt tàn thuốc bể tan.

Nhưng theo các báo cáo của Văn Phòng Chỉ Đạo Miền Trung và của Tỉnh Trưởng Thừa Thiên thì các xáo trộn xảy ra "do các sư ở chùa Từ Đàm gây ra." Cũng theo ông Đỗ Thọ, ông Cẩn có nói với ông Diệm là "đã thăm viếng thân mật

chùa Từ Đàm và thỉnh thoảng có mời các thượng tọa uống trà. Ngoài ra, ông cũng có gửi lễ vật hàng năm cho chùa Từ Hiếu, là nơi thờ phương cụ nội của anh em Tổng Thống Diệm."

Ông Diệm nói:

- "Đạo nào cũng là đạo. Ở mô cũng có cái đẹp, cái xấu. Mình bây giờ là đạo Thiên Chúa, nhưng ông bà, tổ tiên mình là đạo Phật cả, Các thượng tọa ở chùa Từ Đàm, Từ Hiếu, Diệu Đế cần được giúp đỡ. Chú tiếp tay với…"

Ông Đỗ Thọ cũng kể chuyện Tổng Thống Diệm không có ý đề cao Công Giáo và coi thường Phật Giáo, như trường hợp kinh lý tại tỉnh Vĩnh Bình. Trong lễ tiếp đón ông, khi thấy người ta treo nhiều cờ Công Giáo, ông tức giận, mặt hầm hầm, cầm cây ba toon nện xuống sàn phi cơ:

- "Đã nói đừng treo cờ Công Giáo, thằng tỉnh trưởng ni không nghe. Bảo nó dẹp hết treo cờ Việt Nam lên."

Ông chỉ xuống máy bay khi quốc kỳ Việt Nam được treo lên.

Ông Cao Văn Vỹ là người thân cận của ông Nhu thì nói rằng khi vụ Phật Giáo xảy ra ở Huế, ông Nhu đang săn bắn ở Ban Mê Thuột. Khi được báo tin thì ông Nhu nói:

- "Đây là đại họa cho chế độ rồi."

Theo linh mục Cao Văn Luận, nguyên Viện Trưởng Viện Đại Học Huế, viết trong sách "Bên Giòng Lịch sử" thì vụ Phật Giáo xảy ra như sau:

"Ngày 7 tháng 5 năm 1963, đức cha Ngô Đình Thục viếng nhà thờ La Vang về, dọc dường nơi nào ông cũng thấy cờ Phật Giáo tung bay… Không hài lòng, cha Thục cho mời đại biểu chánh phủ là ông Hồ Đắc Khương tới Tòa Giám Mục khiển trách là tại sao đã có lệnh cấm treo cờ tôn giáo hay đảng phái bên ngoài trụ sở, hay khuôn viên mà nay Phật Giáo lại treo cờ đầy đường như vậy?"

Ông Khương đã đánh điện vào dinh Gia Long xin chỉ thị.

Điện văn trả lời xác nhận rằng nghị định cấm treo cờ tôn giáo, hay đảng phái bên ngoài khuôn viên và trụ sở vẫn có hiệu lực. Vì thế, ông Khương đã chỉ thị cho các tỉnh trưởng phải triệt hạ cờ.

Thấy khó xử, ông Nguyễn Văn Đẳng, Tỉnh Trưởng Thừa Thiên, đến gặp ông Ngô Đình Cẩn để xin bỏ qua lệnh này cho đến sau ngày Lễ Phật Đản rồi sẽ tính. Ông Cẩn đồng ý bảo ông tỉnh trưởng gửi mật điện cho các nơi bảo đừng hạ cờ. Chuyện treo cờ coi như tạm yên, nhưng tối ngày 8 tháng 5, các sư thuyết pháp đả kích chính quyền rất nặng nề. Các tổ chức Phật tử tại Huế kéo đến đài phát thanh đòi phát lại trọn vẹn buổi thuyết pháp hồi sáng.

Đại biểu chính phủ và tỉnh trưởng không cho phát thanh. Trong lúc hai bên đang dằng co thì một tiếng nổ không biết từ đâu nổ ngay giữa đám Phật tử biểu tình làm nhiều người chết và bị thương.

Linh Mục Cao Văn Luận nêu ra ba giả thuyết:

* Một là người của chính quyền ném ra.

* Hai là do Việt Cộng trà trộn trong đám biểu tình ném ra, rồi quy tội cho chính phủ.

* Ba là do tình báo Mỹ chủ mưu.

Linh Mục Luận cho giả thuyết một khó tin, vì chính quyền không dại gì mà hành động như vậy. Chỉ còn lại giả thuyết hai và ba.

Theo lời tường thuật của ký giả Marguerite Higgins, được viết trong sách "Our Vietnam Nightmare" thì Bộ Trưởng Nội Vụ Bùi Văn Lương có khai với phái đoàn của Liên Hiệp Quốc vào ngày 3 tháng 12 năm 1963 rằng ông ta có ra Huế vào ngày 17 tháng 5, cùng một ngày với thông tư về thể lệ treo cờ. Theo thông tư này thì chỉ nói đến cờ Phật Giáo phải treo với cờ quốc gia, nhưng thấp hơn; chứ không cấm treo cờ Phật Giáo.

Khi thấy có nhiều cờ Phật Giáo treo trong thành phố rồi,

ông Bộ Trưởng Lương đã chị thị cho Tỉnh Trưởng Thừa Thiên tạm ngưng áp dụng thể lệ treo cờ mới. Ngoài ra, ông Lương còn đến chùa Từ Đàm giải thích thể lệ treo cờ và bảo đảm rằng thể lệ ấy không áp dụng trong trường hợp lễ Phật Đản. Các sư trong chùa, có cả Thích Trí Quang, nghe giải thích đều hài lòng. Rủi ro là vài cảnh sát chậm nhận chỉ thị nên có hạ một ít cờ Phật Giáo xuống. Thích Trí Quang, chụp lấy cơ hội ấy, sai một số sư đi bảo dân chúng hạ cờ, mục đích gây phẫn nộ trong dân chúng.

Phúc trình của Liên Hiệp quốc viết tiếp: "Lúc 8 giờ tối ngày 8 tháng 5, khi dân chúng kéo tới đài phát thanh, Thích Trí Quang có đến theo, cầm trên tay cuộn băng ghi âm bài thuyết pháp chống chính phủ của ông ta hôm đó, để đòi phát thanh lại. Trong lúc dân chúng la ó, chửi rủa, một số người ập vào hành lang của đài phát thanh. Quản đốc của đài hoảng sợ, chạy vào đóng cửa lại và điện thoại cho ông tỉnh trưởng. Ông ta cố xoa dịu để Thích Trí Quang nguôi giận, nhưng không được. Vì thế, ông ta phải gọi Thiếu Tá Đăng Sỹ, Phó Tỉnh Trưởng Nội An đem lực lượng Bảo An với xe bọc thép tới bảo vệ đài phát thanh.

Khi Thiếu Tá Đặng Sỹ đến, quang cảnh trước đài rất lộn xộn. Xe mô tô, xe đạp, và những người tham dự biểu tình đứng cản đường không cho xe tới gần. Dân chúng còn ném đá vào cảnh sát và nhân viên cứu hỏa.

Tỉnh Trưởng cùng đi với Thích Trí Quang vào bên trong đài và ra lệnh cho nhân viên cứu hỏa ngưng xịt nước vào đám biểu tình thì thình lình có hai tiếng nổ dữ dội trên hành lang. Tiếp theo là tiếng kính bể, tiếng súng bắn, tiếng nổ của lựu đạn cay hòa lẫn với tiếng la hét thất thanh.

* Thiếu Tá Đặng Sỹ khai rằng khi xe bọc sắt vừa đến cổng của đài phát thanh thì có hai tiếng nổ lớn. Vì trời tối và hỗn loạn nên ông ta không thấy gì đã xảy ra. Lại còn sợ Việt Cộng tấn công nên ông cho bắn ba phát sung chỉ thiên, ra lệnh cho

binh sĩ dùng lựu đạn cay để giải tán đám đông. Cuối cùng, dân chúng bỏ chạy.

Khi Tỉnh Trưởng và nhân viên chạy ra ngoài hành lang thì thấy có nhiều vũng máu và bảy xác chết tại chỗ và một em nhỏ nằm thoi thóp.

Tất cả những người chết đều nằm trên hành lang của đài phát thanh. Tóc và thịt văng tứ tung.

* Bộ Trưởng Nội Vụ Bùi Văn Lương khai: "Tôi đã xem kỹ xác các người chết này. Tôi thấy các thây đều bay mất đỉnh đầu, nhưng không có thương tích nơi ngực, hoặc bụng. Không có mảnh kim khí trên cơ thể người chết, kể cả trên hành lang và tại chỗ xảy ra án mạng.

Tôi yêu cầu bác sĩ giảo nghiệm các tử thi và gửi kết quả cho tôi. Bác sĩ đã khám nghiêm kỹ, mổ các bộ phận cơ thể ra để quan sát. Tôi đã nhận kết quả cuộc giảo nghiêm này."

Bác sĩ Lê Khắc Quyến, Tổ Trưởng Tổ Khám Nghiệm, Giám Đốc Biện Viện Huế đã báo cáo như sau: "Các người bị chết, được khám nghiệm, là do sức nổ trên không và áp xuất rất mạnh của hơi nổ đã làm họ trốc da đầu và nứt sọ não. Không thể biết chất nổ này là gì, vì không đối chiếu được với các loại chất nổ mà Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa có."

Liền sau ngày 8 tháng 5, Bộ Trưởng Bùi Văn Luong khai tiếp: "Tổng Thống Ngô Đình Diệm ra lệnh điều tra vụ chết người tại Huế. Một ủy ban gồm ba người được chỉ định: Trung Tướng Trần Văn Đôn, Quyền Tham Mưu Trưởng, và hai bác sĩ giải phẫu Pháp Y thuộc Bộ Y Tế. Sau khi thẩm vấn rộng rãi các nhân chứng, Ủy Ban đã tuyên bố rằng nguyên nhân gây chết người tại đài phát thanh Huế ngày 8 tháng 5 là "plastic".

Theo sách "Lịch Sử Tranh Đấu Phật Giáo Việt Nam" của tác giả Kim Đạt, do "Viện Phật Học Quốc Tế" xuất bản năm 1981, đã viết như sau:

"Ngày 14 tháng 4 Âm lịch (tức là ngày 7 tháng 5), Cảnh

Sát thành phố Huế được lệnh yêu cầu các nhà lãnh đạo Phật Giáo thông báo cho tín đồ và dân chúng phải hạ cờ Phật Giáo. Chiều hôm đó, các cấp lãnh đạo Phật Giáo gồm Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, Thích Huyền Tôn, Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản đến tòa hành chính tỉnh đưa nguyện vọng, trong đó có đoạn đòi hỏi treo cờ Phật Giáo trong ngày Phật Đản, vì coi đó là lý do chính đáng.

Trong lúc phái đoàn đang thương lượng thì dân chúng các nơi kéo về, khoảng 5.000 người, trước tòa tỉnh trưởng, chờ được giải thích. Ông Tỉnh Trưởng tuyên bố: "Lấy làm tiếc vì cơ quan công quyền chấp hành sai lệnh của thượng cấp."

Theo yêu cầu của phái đoàn, Tỉnh Trưởng chấp thuận cho xe phóng thanh đi khắp thành phố loan báo cho toàn thể tín đồ, dân chúng rõ về quyết định của chính quyền "không có gì thay đổi. Đồng bào cứ treo cờ như mọi năm. Không có chuyện cấm treo cờ." Tối hôm 8 tháng 5, khoảng 1.000 người với các sư, trong đó có Hòa Thượng Thích Đôn Hậu và Thượng Tọa Thích Trí Quang, kéo tới chùa Từ Đàm. Nơi đây họ được các sư bảo kéo đến đài phát thanh đón xe hoa từ Đà Nẵng ra (một sự lừa bịp). Vì thế dân chúng kép về đài phát thanh rất đông. (Mục đích xem xe hoa.)

Theo sách "Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống" của Cao Thế Dung thì Thiếu Tá Đặng Sỹ được sự đồng ý của Tướng Lê Văn Nghiêm, Tư Lệnh Vùng I và Sư Đoàn 1 Bộ Binh đưa các lực lượng sau tới đài phát thanh: Quân Trấn, chi đội cơ giới Bảo An, Hiến Binh, và Quân Cảnh.

Các lực lượng này không hề được dùng để đàn áp dân chúng mà để giải tán họ, như dùng "vòi rồng" của xe cứu hỏa xịt nước, hay đưa súng lên ngang ngực để đẩy lui người biểu tình, cho xe từ từ tiến đến gần đài phát thanh. Khi xe của ông Đặng sỹ tới gần đài khoảng 50 m, một tiếng nổ lớn phát ra, rồi một tiếng nổ nữa. Lúc đó, vì sợ Việt Cộng tấn công, Thiếu Tá Đặng Sỹ bắn súng chỉ thiên ra hiệu cho binh sĩ ném lựu đạn

cay vào đám đông.

Sau này được biết, chất nổ chết người là "plastic" của CIA, mà người ném ra là James Scott. Năm 1966, trong cuộc hành quân ở Nam Đông, Đại Úy James Scott, có vấn Tiểu Đoàn 1/3, Sư Đoàn 1 Bộ Binh, mới tiết lộ vụ ấy cho Đại Úy Bửu, Tiểu Đoàn Trưởng.

Ngoài chuyện Scott nhìn nhận là người ném plastic ấy, y còn mô tả đó là một loại chất nổ đặc biệt của Trung Ương Tình Báo Mỹ (CIA). Thể tích của nó không lớn hơn bao quẹt và có bộ phận điều khiển canh giờ kích hỏa. Loại chất nổ này không trang bị cho quân đội VNCH. Như vậy, biến cố Phật Giáo là một biến cố được dàn dựng và được các thế lực chống ông Diệm điều khiển.

Sau khi ông Diệm bị hạ bệ và bị giết, Phật Giáo không còn bị đàn áp và ở thế thượng phong. Vậy mà họ vẫn tiếp tục tranh đấu với những vụ xuống đường, tự thiêu, và đưa cả bàn thờ Phật ra lộ cản trở lưu thông. Sự kiện này cho thấy một số sư Phật Giáo đã lạm dụng danh nghĩa Phật Giáo, để tranh đấu cho những mục tiêu chính trị. Có thể tìm hiểu thêm qua các tài liệu sau đây:

- Theo sách " A Death in November" của Tiến Sĩ Ellen J. Hammer, khi Đại Sứ Bửu Hội về Việt Nam để khuyên can thân mẫu, là sư bà Diệu Không, đừng tự thiêu, ông có nhận được thư của Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết và Thích Tâm Châu. Hai ông đã phàn nàn rằng Phật Giáo đã bị dùng vào mục tiêu chính trị. Trước ngày quân đội bố ráp chùa, tính chất tôn giáo của cuộc khủng hoảng không còn nữa. Cuộc khủng hoảng hoàn toàn đang do các thế lực chính trị lèo lái. Các sư đã đi quá xa nên chính phủ buộc lòng phải đối phó.

- Đại Sứ Bửu Hội có trao hai bản sao lá thư đó cho Hội Đồng Liên Hiệp Quốc. Phần lớn các sư không biết ý đồ của Thích Trí Quang nên đã bị y lợi dụng.

- Ký giả Marguerite Higgins có được Thích Trí Quang mời

đến chùa Xá Lợi để nói chuyện. Nhân dịp này, y cho biết công khai: "Chúng tôi không thể thương thuyết với miền Bắc cho tới khi hạ được Diệm - Nhu." (Our Vietnam Nightmare, trang 28.)

- Tiến Sĩ Ellen J. Hammer cũng viết tương tự như vậy, Bà còn viết thêm rằng: "Thích Trí Quang còn muốn có một người trung lập lãnh đạo ở Sài Gòn."

Cả hai tác giả đều viết rằng: "Thích Trí Quang có nói với một viên chức Mỹ ở Huế, hai ngày sau vụ chết người ở đài phát thanh Huế đêm 8 tháng 5 năm 1963 rằng y sẽ "không ngừng tranh đấu cho tới ngày chính phủ sụp đổ"."

Như thế là Mỹ biết rõ âm mưu của Thích Trí Quang. Riêng Marguerite Higgins, bà ta có báo cho Tổng Thống Kennedy biết ý đồ của Trí Quang, nhưng Kennedy không phản ứng vì trùng hợp với ý muốn của ông ta. Vì thế, Kennedy muốn lợi dụng Trí Quang để thực hiện kế hoạch đảo chánh. "Hai chí hướng gặp nhau" nên Kennedy bao che cho Trí Quang tỵ nạn trong Tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn, khi bị chính quyền lùng bắt.

Trong những tháng đầu năm 1965, tình hình chính trị miền Nam suy sụp, McNamara cho đó là sai lầm của Mỹ, "v*ì những rắc rối lớn mà Trí quang đã gây cho chúng ta và sẽ còn gây ra thêm nữa*".

Một trong những kế hoạch thâm độc nhứt của Trí Quang để đạt được mục tiêu lật đổ chính phủ là tổ chức "tự thiêu", lừa phỉnh những người hâm mộ đạo, nhẹ dạ tự hủy hoại mình; vì không có gì gây xúc động dư luận cho bằng một con người tự đốt mình cháy như cây đuốc, một cách cực kỳ thảm thiết. Đó cũng là phương thức thúc đẩy Hoa Kỳ phải hành động, khi dư luận Mỹ và thế giới cho đó là hành động độc ác của chính phủ Ngô Đình Diệm. Chính phủ này đã áp bức ghê gớm đến thế nào đến nỗi phải có những hy sinh ghê gớm như vậy để phản đối.

Không thể tự sức lật đổ chính phủ, Thích Trí Quang phải

dựa vào Hoa Kỳ và Hoa Kỳ cũng mượn tay Thích Trí Quang, vì cả hai đều có mục đích giống nhau: "Lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm". Bà Marguerite Higgins cũng có nhận định rất đúng rằng: "Thích trí Quang chỉ muốn cái đầu của ông Diệm không phải đặt trên khay bạc, mà phải bọc trong quốc kỳ Mỹ."

Trước Toà Án Quân Sự Sài Gòn, Đặng Sỹ khai: "Tôi có hai tội. Một tôi là Công Giáo. Hai tôi là một quân nhân tuân theo lệnh cấp trên." Thiếu Tá Sỹ cũng khai thêm rằng ông ta đã bị nhốt nhiều tháng trong sà lim tối để ép ông đổ tội giết người cho Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục. Nếu ông ta cung khai như vậy thì sẽ được trả tự do. Ông ta đã từ chối.

Thích Trí Quang thường rêu rao là Phật Giáo bị đàn áp nên phải nổi dậy chống đối chính quyền Ngô Đình Diệm. Nhưng sau cuộc đảo chánh 1963, sau khi ông Diệm bị sát hại, Phật Giáo vẫn tiếp tục gây rối loạn như vụ Hội đồng Nhân Dân Cứu Quốc tại miền Trung năm 1964, vụ Phật Giáo đấu tranh năm 1965, vụ biến động miền Trung năm 1966, làm tê liệt công cuộc chống Cộng Sản.

Hậu quả của việc làm Thích Trí Quang là phá hoại quốc gia, theo kế hoạch của Hào Thượng Thích Trí Độ, từ Hà Nội chỉ đạo. Dù muốn hay không thì Thích Trí quang và một số sư theo phe của ông ta khó tránh được trách nhiệm trước lịch sử.

Các vụ tự thiêu

Lợi khí tranh đấu của Thích Trí Quang và một số sư sãi theo ông ta rất hiểm độc. Đó là các vụ tự thiêu được tổ chức rất quy mô, chỉ thấy có ở Việt Nam. Theo ký giả Marguerite Higgins: "Trung tâm tổ chức tự thiêu là ngôi chùa Xá Lợi trang nghiêm giữa Thủ Đô Sài Gòn." Bà Marguerite đã được Thích Trí Quang mời tới chùa nói chuyện với mục đích nhắn gửi đến Tổng Thống Kennedy là sẽ có hàng trăm vụ tự thiêu để nói lên quyết tâm đấu tranh của Phật Giáo Việt Nam. Đến viếng chùa vào giữa tháng 7 năm 1963, ký giả Higgins tả: "Chùa ấy không còn là một nơi trang nghiêm, yên tịnh của đạo

giáo, mà là một trung tâm truyền đi những mệnh lệnh tranh đấu, phát truyền đơn chống chánh phủ, những mệnh lệnh cho những toán người tổ chức tự thiêu."

Vói mục đích nhằm vào các ký giả ngoại quốc, các biểu ngữ viết bằng tiếng Anh: "Youth of Vietnam be ready to sacrifice yourselves for Buddhism." (Tuổi trẻ Việt Nam sẵn sàng hy sinh cho Phật Giáo.) "Youth of Vietnam resolutely in the footsteps of Thich Quang Duc." (Tuổi trẻ Việt Nam kiên quyết theo chân của Hòa Thượng Thích Quảnh Đức.)

Dưới đây là hai vụ tự thiêu hụt mà phái đoàn điều tra của Liên Hiệp Quốc đã tường trình:

1. Người tình nguyện tự thiêu là một chú tiểu 19 tuổi, nhân chứng thứ 10 trong phúc trình đề ngày 3 tháng 12 năm 1963 của Phái Đoàn Liên Hiệp Quốc.

Lời chú tiểu:

- "*Lúc đó vào tháng 10 năm 1963, tôi được nghe nói về sự tàn bạo của chính phủ đối với Phật Giáo. Nào là việc các sư bị đánh đập, bẻ gãy tay, nhận nước cho chết, mổ bụng, moi ruột gan ra khiến tôi hết sức đau lòng. Một ngày nọ, có một sinh viên tự xưng là của hội sinh viên đấu tranh, tới rủ tôi theo phong trào Phật Giáo. Tôi nhận lời vì đó là chính nghĩa của đạo Phật.*

Ngày 20 tháng 10, người thanh niên đó tới gặp tôi xưng tên là Linh, và nói hội sinh viên hoạt động cho cách mạng. Ngày 23 tháng 10, Linh đưa tôi tới một trường học để gặp hai người nữa. Hai người này nói họ cần 10 người tình nguyện tự thiêu và hỏi tôi có muốn không? Tôi nhận lời… Họ bảo tôi phải tự thiêu vào ngày lễ Quốc Khánh 26 tháng 10… Họ nói tôi sẽ được cấp một bộ áo quần trắng và một áo vàng tẩm xăng… Một xe mang bảng "có quyền ưu tiên" sẽ chở tôi tới nơi… Họ cho tôi hai viên thuốc để uống trước cho không cảm thấy đau.

May cho tôi, vài ngày trước đó, tôi tới gặp một người bạn thân tên Hải để từ giã. Tôi cũng nói lý do vì sao. Hải hoảng

hốt bảo tôi đừng dại dột. Những chuyện đồn đãi chính quyền đàn áp Phật Giáo, bức hại tăng ni, phật tử là hoàn toàn bịa đặt. Hải khuyên tôi bỏ ý định tự thiêu."

2. Người thứ hai định tự thiêu là một sư tên Phạm Ngọc Cam, do ông Ivan Matteo Lombardo, nguyên Bộ Trưởng Sản Phẩm của chính phủ Ý, thuật lại trong tập II Borghese, như sau đây:

"Cam ở một tỉnh xa Sài Gòn và được Ban Tổ Chức tự thiêu kể cho nghe chuyện đốt chùa, tra tấn các sư một cách tàn nhẫn, ghê gớm. Họ nói nếu Cam tự thiêu thì sẽ có cơ duyên luân hồi là một cao tăng, hay một bồ tát. Cam ưng thuận và được đưa vào Sài Gòn, cấp cho "một can xăng", để tới ngày tự thiêu thì đâm thủng rồi châm lửa. Chỗ tự thiêu là phía sau nhà thờ Đức Bà, đường Thống Nhất. Không ngờ các ngã đường vào nhà thờ bị phong tỏa hết nên Cam đi theo một con đường khác. Khi qua một ngôi chùa khác thì thấy có nhiều người đi lễ. Cam đứng trước cửa chùa ngơ ngác thì bị hai cảnh sát đứng gần đó để ý. Thấy Cam có thùng xăng, họ giữ Cam lại để hỏi. Cam đã kể lại đầu đuôi câu chuyện như trên. Cam đưa cho họ hai viên thuốc mà họ nói uống vào thì không đau khui tự thiêu."

Phòng giảo nghiệm phân chất hai viên thuốc ấy thì thấy công hiệu của nó còn kém hơn "aspirine".

Tóm lại, hai trường hợp điển hình này là do một tổ chức lừa phỉnh lòng mộ đạo của những người nhẹ dạ, dễ tin để hy sinh cho những mục tiêu chính trị. Những người tình nguyên tự thiêu là những người rất đáng thương hại.

Đối với Thích Trí Quang, người chủ mưu các vụ tự thiêu, không biết ông ta có đặt vấn đề luân lý hay không? Cả về vấn đề tôn giáo nữa? Sách Nho có câu: "Dục tu tiên đạo, tiên tu nhân đạo. Nhân đạo bất tu, tiên đạo viễn hy!" (*Muốn tu đạo tiên, trước phải tu đạo làm người. Không tu đạo làm người, thì đạo tiên xa lánh vậy!)*

Giờ đây, sống dưới chế độ Cộng Sản, không biết ông ta,

Thích Trí Quang, có ăn năn, xám hối cho hành vi "làm mưa, làm gió", phá hoại nền dân chủ, tự do của VNCH, hay không?

Chú thích: *Ông Thích Trí Quang, được nhắc tới như một người đã gây ra nhiều xáo trộn trong lịch sử chính trị của VNCH vào thập niên 60, đã tạ thế vào ngày 8 tháng 11 năm 2019 tại Huế, sau khi bài này đã được viết.*

Ông Đồ

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực Tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua
.....

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

Thơ Vũ Đình Liên (trích đăng).